

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 08 tháng 04 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 72/TB- MNBM ngày 08/04/2022 của trường mầm non Bình Minh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 07/QĐ-PGD&ĐT ngày 05 tháng 01 năm 2022 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2022";

Trường Mầm Non Bình Minh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I /2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Thực hiện quý I năm 2022	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I/2021 nay so với quý I/2022 cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, các khoản ngoài ngân sách	119.000.000			
1	Số thu phí, lệ phí	119.000.000		-	-
1	Học phí	119.000.000		-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	119.000.000			
1	Chi thanh toán cho cá nhân	47.600.000		-	-
	Mục 6000: Tiền lương	47.600.000		-	-
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	71.400.000		-	-
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	1.000.000		-	-
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	4.000.000		-	-
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	2.000.000		-	-
	Mục 6700: Thông tin tuyên truyền liên lạc	-		#DIV/0!	1,00
	Mục 6750: Chi phí thuê mượn	14.000.000			
	Mục 6900: Sửa chữa, duy trì tài sản phục vụ CT CM	-			
	Mục 6950: Mua sắm TS phục vụ công tác CM	-		#DIV/0!	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	50.400.000		-	-
III	Các khoản ngoài ngân sách	-	166.554.000	#DIV/0!	
1	Tiền đón sớm trả muộn		-	#DIV/0!	
2	Tiền ăn - chất đốt		166.554.000	#DIV/0!	
3	Tiền thuê cấp dưỡng		-	#DIV/0!	
4	Tiền vệ sinh phục vụ BT		-	#DIV/0!	
5	Tiền vật dụng tiêu hao		-	#DIV/0!	
6	Tiền trông trưa		-	#DIV/0!	
7	Tiền học thứ 7		-	#DIV/0!	
8	Tiền trông trẻ ngoài giờ		-	#DIV/0!	
9	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu, thai sản		-	#DIV/0!	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0	#DIV/0!	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.925.000.000	829.529.649	21	89,5
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.775.000.000	829.529.649	22	89,5

1	Chi thanh toán cho cá nhân	3.053.000.000	746.838.836	24	104,6
	Mục 6000: Tiền lương	1.627.000.000	419.464.802	26	115,7
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-	#DIV/0!	#DIV/0!
	Mục 6100: Phụ cấp lương	800.000.000	217.600.941	27	85,1
	Mục 6200: Tiền thưởng	14.000.000		0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	2.000.000		0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	610.000.000	109.773.093	18	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-			
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	652.000.000	32.978.813	5	17,7
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	40.420.000	7.138.213	18	110,3
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	45.000.000	-	0	0,0
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	8.260.000	1.155.000	14	73,3
	Mục 6650: Hội nghị	27.410.000	-	0	0,0
	Mục 6700: Công tác phí	12.000.000	2.100.000	18	100,0
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	58.038.000	15.555.600	27	100,0
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	368.872.000	-	0	0,0
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	10.000.000	-	0	0,0
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	75.000.000	7.030.000	9	28,3
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	7.000.000	-	0	0,0
3	Các khoản chi khác	70.000.000	49.712.000	71	182,0
	Mục 7750: Chi khác	70.000.000	49.712.000	71	182,0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	150.000.000		0	#DIV/0!
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	150.000.000	-	0	0,0

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
MẦM NON
BÌNH MINH

Trần Thị Phương